BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1330/BTC-TCT V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị Quyết của Quốc hội về xử lý nợ thuế	*Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2018*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH
ĐẾN Số: 687
Ngày: 22/2/18
Chuyển: Hải Dương

Kính gửi:
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam;

Tại kỳ họp thứ 4 của Quốc hội khóa XIV, Quốc hội đã ban hành Nghị Quyết số 55/2017/QH14 ngày 24/11/2017 về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIV, trong đó tại Khoản 2 Điều 1 Quốc hội giao Chính phủ thực hiện các biện pháp để xử lý hiệu quả tình trạng nợ đọng thuế, phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng qua từng năm; sớm báo cáo Quốc hội tổng thể các khoản nợ đọng thuế và phương án xử lý nợ. Ngày 01/01/2018 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, trong đó Chính phủ giao Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền phương án xử lý nợ đọng thuế không có khả năng thu hồi.

Thực hiện yêu cầu của Quốc hội và chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính đã tiến hành dự thảo Tờ trình Chính phủ và Nghị quyết của Quốc hội về xử lý nợ thuế, khoanh nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt không có khả năng thu hồi.

Để góp phần bảo đảm chất lượng dự thảo văn bản trước khi ban hành, căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính trân trọng đề nghị Quý cơ quan cho ý kiến đóng góp đối với dự thảo Tờ trình Chính phủ và Nghị quyết nêu trên (đính kèm).

Ý kiến tham gia góp ý xin gửi về Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế - 123 Lò Đúc, Hai Bà Trưng, Hà Nội) trước ngày 23/02/2018 bằng văn bản, đồng thời gửi vào hòm thư điện tử theo địa chỉ vqlntct@gdt.gov.vn.

Xin cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ, Quý cơ quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Website Bộ Tài chính;
- Website Tổng cục Thuế;
- Các Vụ/đơn vị thuộc Bộ (để tham gia);
- Cục Thuế các tỉnh, thành phố (để tham gia);
- Lưu: VT, TCT(VT, PC, QLN (3b)).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ... /TTr-BTC	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2018*

(Dự thảo)

TỜ TRÌNH
Về dự án Nghị quyết của Quốc hội về xử lý xóa nợ, khoanh nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt không có khả năng thu hồi

Kính gửi: Chính phủ.

Tại kỳ họp thứ 4 của Quốc hội khóa XIV, Quốc hội đã ban hành Nghị Quyết số 55/2017/QH14 ngày 24/11/2017 về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIV, trong đó tại Khoản 2 Điều 1 Quốc hội giao Chính phủ thực hiện các biện pháp để xử lý hiệu quả tình trạng nợ đọng thuế, phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng qua từng năm; sớm báo cáo Quốc hội tổng thể các khoản nợ đọng thuế và phương án xử lý. Ngày 01/01/2018 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, trong đó Chính phủ giao Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền phương án xử lý nợ đọng thuế không có khả năng thu hồi, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế xuống dưới 5% tổng số thu ngân sách nhà nước.

Thực hiện yêu cầu của Quốc hội và chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện quản lý nợ thuế, nghiên cứu tham khảo kinh nghiệm nhiều nước, dự kiến tác động và tổ chức lấy ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bộ Tài chính trình Chính phủ về dự án Nghị quyết của Quốc hội về xử lý xóa nợ, khoanh nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt không có khả năng thu hồi như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH:

Theo Điều 65 Luật quản lý thuế năm 2007, việc xoá nợ tiền thuế, tiền phạt được áp dụng đối với hai (02) trường hợp: (i) Doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản đã thực hiện các khoản thanh toán theo quy định của pháp luật phá sản mà không còn tài sản để nộp tiền thuế, tiền phạt; (ii) Cá nhân được pháp luật coi là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự mà không có tài sản để nộp tiền thuế, tiền phạt còn nợ.

Từ ngày 01/7/2013, theo khoản 3 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 thì việc xóa nợ thuế được áp dụng bổ sung đối với "các khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của người nộp thuế

không thuộc 02 trường hợp trên mà cơ quan quản lý thuế đã áp dụng tất cả các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế và các khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt này đã quá mười năm, kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, nhưng không có khả năng thu hồi."

Đồng thời, đối với các khoản tiền thuế nợ, tiền phạt còn nợ không có khả năng thu hồi phát sinh trước ngày 01/7/2007, giao Chính phủ tổ chức thực hiện xóa nợ và báo cáo Quốc hội kết quả cho các trường hợp: a) Tiền thuế nợ, tiền phạt của hộ gia đình, cá nhân gặp khó khăn, không thanh toán được nợ thuế, đã ngừng kinh doanh; b) Tiền thuế nợ, tiền phạt của doanh nghiệp nhà nước đã có quyết định giải thể của cơ quan có thẩm quyền; tiền thuế nợ, tiền phạt của doanh nghiệp nhà nước đã thực hiện cổ phần hóa hoặc chuyển đổi sở hữu và pháp nhân mới không chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ thuế này.

Thực hiện quy định của Luật quản lý thuế Bộ Tài chính đã hướng dẫn xử lý xóa nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp cho NNT kịp thời, đúng quy định của pháp luật, kết quả từ ngày 01/7/2007 đến ngày 31/7/2017 tổng số tiền thuế, tiền phạt chậm nộp được cơ quan thuế xem xét xóa là 1.122 tỷ đồng[1], chiếm tỷ lệ 3,3% số nợ không có khả năng thu.

Qua rà soát, tổng hợp, Bộ Tài chính thấy rằng giải pháp xoá nợ thuế đối với 04 (bốn) trường hợp nêu trên chưa bao quát được hết thực trạng kinh doanh, chưa xử lý được tồn tại về nợ thuế không thể thu hồi được phát sinh do những nguyên nhân khách quan cũng như chưa phản ánh hết công tác quản lý nợ thuế mà ngành thuế, Hải quan được giao thực hiện theo quy định của Luật quản lý thuế. Cụ thể:

- Từ 01/7/2007 đến 31/12/2013, nền kinh tế trong nước liên tục gặp nhiều khó khăn, thách thức trong bối cảnh kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, áp lực lạm phát[2] và bất ổn kinh tế vĩ mô lớn; thị trường tiền tệ chưa thực sự ổn định, nợ xấu có xu hướng gia tăng; sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn cùng với thiên tai, hoả hoạn, tai nạn liên tiếp xảy ra đã ảnh hưởng nhiều đến sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân. Do đó, nhiều người nộp thuế kinh doanh thua lỗ. Nhiều trường hợp chịu tác động dây chuyền như thị trường bất động sản trầm lắng khiến hoạt động xây dựng, sản xuất vật liệu (sắt, thép, xi măng, kính, gạch,...) có lúc bị đình trệ, tồn kho hàng hóa ở mức cao, nợ xấu phát sinh và do lãi suất tín dụng cao khiến khó khăn thêm chồng chất. Nhiều người nộp thuế lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, phải hoạt động cầm chừng, tạm ngừng hoạt động hoặc thậm

---

[1](i) Xóa nợ thuế cho các trường hợp là doanh nghiệp phá sản, đã thực hiện các khoản thanh toán theo quy định của pháp luật phá sản mà không còn tài sản để nộp tiền thuế là 163 tỷ đồng (nợ gốc 150 tỷ đồng; số tiền chậm nộp là 13 tỷ đồng), chiếm 14,6% số nợ được xóa; (ii) Xóa nợ thuế cho các cá nhân được pháp luật coi là đã chết, mất tích, mà không có tài sản để nộp tiền thuế, tiền phạt còn nợ là 7 tỷ đồng (trường hợp cá nhân được coi là mất năng lực hành vi dân sự không có số nợ thuế được xóa). (iii) Xóa các khoản nợ thuế đã quá 10 năm, cơ quan thuế đã thực hiện tất cả các biện pháp cưỡng chế nợ thuế: không có trường hợp nào được xóa nợ. (iv) Xóa nợ theo quy định tại khoản 3 điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và thông tư 179/2013/TT-BTC đối với các khoản nợ phát sinh trước 1/7/2007 là 952 tỷ đồng, trong đó: Xóa nợ thuế cho DNNN được thành lập và hoạt động theo Luật DNNN thực hiện sắp xếp chuyển đổi (giải thể, cổ phần hóa, giao bán) trước ngày 1/7/2007 là 584 tỷ đồng; Xóa nợ thuế cho Hộ gia đình, cá nhân gặp khó khăn, không thanh toán được nợ tiền thuế, tiền phạt phát sinh trước ngày 01/7/2007, đã ngừng kinh doanh là 368 tỷ đồng.

[2] Theo số liệu thống kê, chỉ số giá tiêu dùng liên tục tăng cao qua các năm, cụ thể: năm 2011 so với năm 2010 là 118,58 %; năm 2012 so với năm 2011 là 109,21%; năm 2013 so với năm 2012 là 106,60%.

chí giải thể, phá sản nhưng không thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục ngừng kinh doanh, giải thể, phá sản[3]. Số nợ thuế đã phát sinh từ trước thời điểm mất khả năng thanh toán, ngừng kinh doanh (mặc dù cơ quan thuế đã áp dụng các biện pháp cưỡng chế nhưng không thu hồi được tiền thuế nợ) liên tục tăng thêm do phát sinh tiền chậm nộp thuế (tính 0,05%/ngày, khoảng 18,3%/năm) trong khi người nộp thuế đã ngừng kinh doanh, giải thể, phá sản.

- Đối với cơ quan Hải quan, đa số nợ thuế khó thu còn tồn đọng đến nay là nợ phát sinh trước khi Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu có hiệu lực thi hành (trước 01/01/2006 - chiếm 71% tổng nợ), thời điểm này doanh nghiệp được nợ thuế mà không ràng buộc điều kiện phải là doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật thuế như Luật Quản lý thuế nên có một số doanh nghiệp chây ỳ, không nộp thuế đúng hạn, sau đó bỏ trốn, hoặc tự giải thể. Vì vậy, không còn đối tượng để cơ quan Hải quan thu đòi nợ thuế hoặc áp dụng các biện pháp cưỡng chế. Do đó, đến thời điểm hiện nay số nợ thuế của các doanh nghiệp tự giải thể, phá sản, bỏ địa chỉ sản xuất kinh doanh vẫn chưa được xử lý dứt điểm.

- Nhiều người nộp thuế cung ứng hàng hoá, dịch vụ được thanh toán bằng vốn ngân sách nhà nước (NSNN) hoặc có nguồn từ NSNN nhưng chưa được thanh toán nên không có nguồn nộp kịp thời. Từ ngày 01/01/2011 theo quy định tại Luật Quản lý thuế thì nếu chưa được thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản, người nộp thuế được gia hạn nộp thuế tối đa 01 năm và không phải tính tiền chậm nộp trên thời gian gia hạn. Vì vậy những trường hợp khác (phát sinh trước ngày 01/01/2011; công trình qua nhiều năm đến nay chưa được Nhà nước thanh toán hoặc được thanh toán muộn hơn thời gian gia hạn; không phải đầu tư xây dựng cơ bản;...) tiếp tục khó khăn do vẫn bị tính tiền chậm nộp thuế. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp bị đối tác phá bỏ hợp đồng kinh tế, hoặc phải vay các tổ chức tín dụng với lãi suất cao, hoặc các hợp đồng tín dụng đã ký nhưng không được giải ngân, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh bị kéo dài, bị tăng chi phí do điều chỉnh các nội dung trong giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

Trong những trường hợp nêu trên, mặc dù nhiều người nộp thuế đã tuân thủ pháp luật, nỗ lực nộp thuế, cơ quan thuế đã thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý thu nợ thuế theo quy định nhưng do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan ngoài ý muốn, họ vẫn còn nợ tiền chậm nộp thuế. Số nợ tiền chậm nộp này hạch toán vào thu nhập sau thuế TNDN khiến doanh nghiệp chịu lỗ kéo dài, ăn vào vốn dẫn đến giải thể, phá sản, chấm dứt kinh doanh.

---

[3] Theo Điều 156 Luật doanh nghiệp năm 2005 (có hiệu lực đến hết ngày 30/6/2015) quy định về tạm ngừng kinh doanh; theo Điều 55, 57 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh thì doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế ít nhất mười lăm ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh; đối với hộ kinh doanh, thời gian tạm ngừng kinh doanh không quá 01 năm. Theo Điều 157 Luật doanh nghiệp năm 2005 thì doanh nghiệp giải thể khi kết thúc thời hạn hoạt động mà không có quyết định gia hạn; giải thể theo quyết định của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân; của tất cả thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; của Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; hoặc khi không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn sáu tháng liên tục. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

- Theo quy định tại Khoản 2 Điều 65 Luật Quản lý thuế thì NNT đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự mà không còn tài sản để nộp thuế thì thuộc trường hợp được xóa nợ thuế. Quy định phải có văn bản xác nhận của UBND cấp xã, phường, thị trấn nơi người bị tuyên bố chết, mất tích cư trú về việc người chết, mất tích không có tài sản. Thực tế triển khai thực hiện gặp khó khăn vướng mắc như: không có cơ quan nhà nước nào chịu trách nhiệm về việc xác nhận cá nhân chết, mất tích còn tài sản hay không; mặt khác, khi cá nhân còn nợ thuế đã chết, nếu còn tài sản thì tài sản này còn thuộc quyền sử dụng của gia đình vợ, con họ và tài sản chỉ đủ để đáp ứng nhu cầu cơ bản trong sinh hoạt thông thường của họ, khi cơ quan thuế thực hiện kê biên, bán đấu giá tài sản sử dụng chung của gia đình họ để thu hồi tiền thuế nợ thì ảnh hưởng đến cuộc sống của bản thân những người phụ thuộc đó.

Quy định xóa nợ cho cá nhân là chủ doanh nghiệp tư nhân đã chết: Tại Khoản 1 Điều 183 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 quy định: "Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp". Quy định hiện nay chỉ cho phép xóa nợ đối với cá nhân, không có quy định xóa nợ cho chủ DN tư nhân đã chết.

- Theo quy định tại Khoản 3 Điều 65 Luật Quản lý thuế thì khoản nợ thuế đã quá 10 năm, cơ quan thuế đã thực hiện tất cả các biện pháp cưỡng chế nợ thuế thuộc trường hợp được xóa nợ. Tuy nhiên, quy định này tính đến thời điểm hiện tại thì chưa có trường hợp nào được xóa nợ thuế do có những khoản nợ thuế trên 10 năm nhưng không thể xóa được do không đáp ứng được điều kiện đã "áp dụng tất cả các biện pháp cưỡng chế". Nguyên nhân do: (i) Theo Điều 92 và 93 Luật quản lý thuế, khi người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền phạt quá chín mươi (90) ngày hoặc khi đã hết thời hạn gia hạn nộp tiền thuế thì cơ quan thuế được thực hiện tuần tự bảy (07) biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế: (1) Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế, yêu cầu phong toả tài khoản; (2) Khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập; (3) Dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; (4) Thông báo hoá đơn không còn giá trị sử dụng; (5) Kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên theo quy định của pháp luật; (6) Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ; (7) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề.

Thực tế, có những khoản nợ thuế trên 10 năm nhưng không thể xóa được do không đáp ứng được điều kiện đã "áp dụng tất cả các biện pháp cưỡng chế", vì doanh nghiệp đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư cho phép giải thể và bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề trước khi cơ quan thuế thực hiện các biện pháp cưỡng chế. Do vậy, quy định điều kiện "áp dụng tất cả các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế" là chưa khả thi đối với trường hợp doanh nghiệp đã bị rút giấy phép trước khi cơ quan thuế thực hiện các biện pháp cưỡng chế theo Luật Quản lý thuế quy định.

- Với những những tồn tại, vướng mắc như đã nêu trên dẫn đến số tiền thuế

nợ, tiền chậm nộp, tiền phạt tồn đọng của nhiều năm đến nay còn lớn. Cụ thể:

+ Tính đến ngày 31/12/2017 tổng số nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt do ngành thuế quản lý là 73.145 tỷ đồng, giảm 2.108 tỷ đồng (tương ứng 2,8%) so với 31/12/2016, trong đó: (i) Tiền thuế nợ đến 90 ngày và trên 90 ngày là 26.002 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 35,5% tổng số tiền thuế nợ (các khoản nợ thuế, phí là 18.120 tỷ đồng; Các khoản nợ liên quan về đất là 7.882 tỷ đồng). (ii) Tiền phạt và tiền chậm nộp là 15.674 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 21,4% tổng số tiền thuế nợ; (iii) Tiền thuế nợ của NNT đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, liên quan đến trách nhiệm hình sự, đã tự giải thể, phá sản, ngừng, nghỉ và bỏ địa chỉ kinh doanh không có khả năng thu hồi là 31.469 tỷ đồng (tiền thuế nợ gốc là 19.196 tỷ đồng; tiền phạt và tiền chậm nộp là 12.273 tỷ đồng), chiếm tỷ trọng 43% tổng số tiền thuế nợ, chiếm khoảng 3,2% tổng số thu nội địa năm 2017. Trong đó các khoản tiền thuế nợ đã quá 10 năm (trước 01/7/2007 Luật Quản lý thuế có hiệu lực thi hành) là 7.500 tỷ đồng[4].

+ Tổng số nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tính đến ngày 31/12/2017 do ngành Hải quan quản lý là 5.474 tỷ đồng, tăng 23,5% so với thời điểm 31/12/2016, trong đó: Tiền thuế nợ có khả năng thu là 1.305 tỷ đồng; Tiền thuế nợ chờ xử lý là 291,13 tỷ đồng; Tiền thuế nợ không có khả năng thu là 3.878 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 71% tổng nợ của toàn ngành Hải quan quản lý.

Như vậy, tổng số nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tính đến ngày 31/12/2017 của các khoản nợ thuế không thể thu hồi được phát sinh do những nguyên nhân khách quan do cơ quan thuế và cơ quan Hải quan quản lý khoảng 35.347 tỷ đồng, chiếm khoảng 2,75% tổng số thu thuế, phí, lệ phí năm 2017 và chiếm gần 44,9% tổng số nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tính đến ngày 31/12/2017 là 78.619 tỷ đồng.

Từ tình hình thực tế nêu trên, tiếp thu ý kiến của Đại biểu Quốc hội, Ủy ban Tài chính - Ngân sách, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, sau khi tổng hợp tất cả các trường hợp nợ thuế và tiến hành rà soát, phân loại theo từng nguyên nhân, Bộ Tài chính trình Chính phủ báo cáo Quốc hội ban hành Nghị quyết xử lý nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt không có khả năng thu hồi.

II. NGUYÊN TẮC XỬ LÝ NỢ XÓA NỢ, KHOANH NỢ TIỀN THUẾ, TIỀN CHẬM NỘP, TIỀN PHẠT:

1. Xóa nợ, khoanh nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải bảo đảm bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, không phân biệt đối xử, phù hợp thông lệ quốc tế và cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết và tham gia.

2. Xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với những trường hợp thực tế đã giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh, thực tế không còn hoạt động sản xuất kinh doanh trước ngày 01/01/2017 và không còn tài sản (các tài khoản ở các ngân hàng, các tài sản máy móc thiết bị, tài sản khác,...) khoanh nợ không tính tiền chậm nộp thuế từ ngày 01/01/2018 đối với người nộp thuế nợ

[4]Trong đó tiền thuế nợ gốc là là 4.721 tỷ đồng; tiền phạt và tiền chậm nộp là 2.779 tỷ đồng.

tiền thuế đã chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh quá 01 năm, cơ quan đăng ký kinh doanh đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Việc tổ chức thực hiện xóa nợ, khoanh nợ nguyên tắc đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch.

III. NỘI DUNG XỬ LÝ XÓA NỢ, KHOANH NỢ TIỀN THUẾ, TIỀN CHẬM NỘP, TIỀN PHẠT:

Qua tổng kết tình hình thực hiện quản lý nợ thuế và tham khảo, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế (báo cáo tổng kết, đánh giá và báo cáo kinh nghiệm quốc tế trình kèm), Bộ Tài chính đề nghị xử lý xóa nợ, khoanh các khoản nợ không còn đối tượng để thu, không có khả năng thu hồi như sau:

1. Khoanh nợ (tạm thời chưa thu và không tính tiền chậm nộp thuế) đối với người nộp thuế nợ tiền thuế đã chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh quá 01 năm, cơ quan đăng ký kinh doanh đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Khoản 3 Điều 3 Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật Quản lý thuế quy định: "Người nộp thuế chậm nộp tiền thuế so với thời hạn quy định, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế, thời hạn trong quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế thì phải nộp đủ tiền thuế và tiền chậm nộp theo mức bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp".

- Khoản 4, Điều 49 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 quy định: "4. Người nộp thuế không bị phạt chậm nộp tính trên số tiền thuế nợ trong thời gian gia hạn nộp thuế."

- Điểm c Khoản 1 Điều 211 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 quy định về trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như sau:

"1. Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

c) Doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế;"

Theo quy định nêu trên thì người nộp thuế chậm nộp tiền thuế so với thời hạn quy định sẽ bị tính tiền chậm nộp 0,03%/ngày cho đến ngày người nộp thuế nộp tiền thuế vào NSNN, không phân biệt nợ còn đối tượng để thu hay nợ không còn đối tượng để thu, NNT đã chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh, đã bị thu hồi đăng ký kinh doanh. Dẫn đến số tiền chậm nộp tính trên nợ không còn đối tượng để thu không ngừng tăng lên (tăng 200 tỷ đồng/tháng, 2.400 tỷ đồng/năm), trong khi thực tế các khoản nợ này không có khả năng thu hồi do người nộp thuế thực tế đã chết, tự giải thể, phá sản chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh không theo trình tự pháp luật quy định, bỏ đi khỏi địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan thuế, cơ quan thuế đã thu hồi mã số thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Việc quy định tính tiền chậm nộp thuế như hiện hành làm tăng thêm số liệu nợ ảo trên sổ sách theo dõi của cơ quan quản lý thuế, tăng gánh nặng phải điều chỉnh xử lý cho cơ quan quản lý thuế.

Để tránh tình trạng số tiền chậm nộp thuế không có khả năng thu hồi không ngừng tăng lên, cơ quan quản lý thuế mất nhiều thời gian, nhân lực để theo dõi tiền chậm nộp thuế đối với các khoản nợ không có khả năng thu, không còn đối tượng để thu, của NNT đã chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Bộ Tài chính đề nghị báo cáo Quốc hội cho phép:

Khoanh nợ (tạm thời chưa thu và không tính tiền chậm nộp thuế) từ ngày 01/01/2018 đối với người nộp thuế nợ tiền thuế đã chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh quá 01 năm, cơ quan đăng ký kinh doanh đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề. Thời gian không tính tiền chậm nộp tính từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề. Cơ quan quản lý thuế thực hiện tính tiền chậm nộp và thu vào ngân sách đối với khoản tiền chậm nộp trên khi người nộp thuế quay lại hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Xóa nợ tiền chậm nộp do nguyên nhân khách quan bất khả kháng

Theo Bộ Luật dân sự[5] thì:

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

- Trở ngại khách quan là những trở ngại do hoàn cảnh khách quan tác động làm cho người có quyền, nghĩa vụ dân sự không thể biết về việc quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm hoặc không thể thực hiện được quyền hoặc nghĩa vụ dân sự của mình.

Căn cứ quy định trên, Bộ Tài chính trình Chính phủ thực hiện xóa nợ tiền chậm nộp do nguyên nhân bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan như sau:

a) Xóa nợ tiền chậm nộp đối với người nộp thuế cung ứng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán bằng vốn NSNN, hoặc có nguồn từ NSNN nhưng chưa được thanh toán nên không nộp kịp thời các khoản thuế dẫn đến phát sinh tiền chậm nộp, tiền phạt chậm nộp.

Luật Quản lý thuế được Quốc hội thông qua tháng 11 năm 2006 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007, đã tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. Trong đó các quy định về gia hạn, xoá nợ, miễn tiền phạt chậm nộp tiền thuế đã góp phần hỗ trợ cho người nộp thuế vượt qua tình trạng khó khăn do gặp thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ, phá sản... đồng thời giảm áp lực về nghĩa vụ với NSNN trong một thời gian nhất định, tạo điều kiện cho người nộp thuế tiếp tục duy trì sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, quy định về gia hạn nộp thuế có một số nội dung chưa phù hợp với tình hình thực tế như:

[5] Khoản 1 Điều 161 Bộ Luật dân sự năm 2005 và khoản 1 Điều 156 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Trước 2015, Luật Quản lý thuế (điểm c khoản 1 Điều 49) quy định gia hạn thời hạn nộp thuế cho trường hợp "chưa được thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản đã được ghi trong dự toán NSNN". Quy định này chỉ cho gia hạn nộp thuế đối với hoạt động xây dựng cơ bản sử dụng nguồn vốn NSNN và chỉ cho phép gia hạn số tiền thuế, tiền phạt tương ứng với số tiền từ nguồn vốn NSNN đã được bố trí trong dự toán nhưng chưa được thanh toán dẫn đến chỉ được gia hạn một phần số tiền thuế, tiền phạt, phạt chậm nộp, chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng số tiền chưa nộp NSNN và trong thực tế khó xảy ra vì đã được bố trí trong dự toán thì đều được thanh toán; chưa có cơ chế gia hạn nộp thuế đối với người nộp thuế cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho người sử dụng nguồn vốn NSNN nhưng chưa được NSNN thanh toán (chỉ thực hiện gia hạn cho những trường hợp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản)... đối với trường hợp gia hạn do gặp khó khăn đặc biệt khác theo quy định của Chính phủ thì chưa được quy định cụ thể tiêu chí xác định nên rất ít người nộp thuế được xử lý gia hạn theo trường hợp này.

Kể từ 01/01/2015, Luật số 71/2014/QH13 bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 49 và bổ sung vào khoản 1 Điều 106 nội dung "trường hợp người nộp thuế cung ứng hàng hoá, dịch vụ được thanh toán bằng nguồn vốn NSNN nhưng chưa được thanh toán nên không nộp kịp thời các khoản thuế dẫn đến nợ thuế thì không phải nộp tiền chậm nộp tính trên số tiền thuế còn nợ nhưng không vượt quá số tiền NSNN chưa thanh toán phát sinh trong thời gian NSNN chưa thanh toán".

Theo quy định này thì còn phát sinh tiền chậm nộp, tiền phạt đối với các trường hợp phát sinh trước ngày 01/01/2015 như: (i) Trước ngày 01/01/2011, do chưa có quy định về việc gia hạn đối với các trường hợp NSNN chậm thanh toán, dẫn đến người nộp thuế gặp khó khăn do bị tính tiền phạt chậm nộp thuế; (ii) Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 15/11/2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Quản lý thuế đã có phép người nộp thuế chưa được thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được gia hạn với thời gian tối đa 01 năm (Nghị định số 106/2010/NĐ-CP, Nghị định số 83/2013/NĐ-CP của Chính phủ), gia hạn 2 năm (Nghị định số 91/2014/NĐ-CP của Chính phủ). Tuy nhiên, nhiều người nộp thuế sau khi hết thời gian gia hạn NSNN vẫn chưa thanh toán hoặc thanh toán chậm nên doanh nghiệp bị tính phạt chậm nộp, tính tiền chậm nộp; một số người nộp thuế thuộc đối tượng gia hạn nhưng chưa thực hiện gia hạn nên bị tính tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp.

Mặt khác, Luật Quản lý thuế và văn bản hướng dẫn chưa quy định rõ đối với các trường hợp các nhà thầu phụ hoặc các đơn vị hạch toán phụ thuộc, công ty con (gọi tắt là nhà thầu phụ) được Nhà thầu chính ký hợp đồng giao bớt một phần giá trị công việc cung ứng hàng hóa, dịch vụ cho nhà thầu phụ (không ký hợp đồng trực tiếp cung ứng hàng hóa, dịch vụ với đơn vị sử dụng vốn NSNN), chưa được đơn vị sử dụng vốn NSNN thanh toán thì không phải tính tiền chậm nộp thuế, dẫn đến nhiều trường hợp nhà thầu phụ là đơn vị trực tiếp thi công, cung ứng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán bằng vốn NSNN nhưng chưa được thanh toán nên dẫn đến nợ thuế và phát sinh tiền chậm nộp thuế.

Căn cứ các quy định trên, để phù hợp với thực tế, Bộ Tài chính trình Chính phủ, Quốc hội xóa nợ tiền chậm nộp thuế đối với doanh nghiệp gặp khó khăn

khách quan do thực hiện cung ứng hàng hoá, dịch vụ được thanh toán bằng vốn NSNN hoặc có nguồn chi từ NSNN nhưng chưa được thanh toán (bao gồm cả nhà thầu phụ). Theo đó, số tiền chậm nộp đề nghị xóa tính đến 31/12/2015 là 542,525 tỷ đồng.

b) Xóa nợ tiền chậm nộp thuế của các khoản nợ thuế phát sinh trước ngày 01/01/2018 của người nộp thuế gặp thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc trường hợp khó khăn bất khả kháng.

- Theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 thì đã có quy định xử lý miễn phạt chậm nộp cho NNT gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc trường hợp bất khả kháng khác. Quy định này đã giúp tháo gỡ rất nhiều khó khăn cho NNT ổn định sản xuất kinh doanh. Từ ngày 01/7/2013, thực hiện quy định tại Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 thì hành vi chậm nộp tiền thuế bị "phạt chậm nộp" đã được sửa đổi thành "tiền chậm nộp", nhưng Luật không có quy định miễn tiền chậm nộp cho các trường hợp gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc trường hợp bất khả kháng khác, mặc dù bản chất của sự việc vẫn như nhau nhưng tên gọi được thay đổi. Điều này dẫn đến không ít khó khăn cho NNT khi họ gặp phải sự cố không mong muốn. Đối với NNT khi đã gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc trường hợp bất khả kháng khác nếu không xử lý tiền chậm nộp thì NNT cũng không có khả năng nộp.

Ngoài ra, Luật Quản lý thuế cũng chưa có quy định các trường hợp như thuế nào được coi là bất khả kháng khác để cơ quan thuế, Hải quan thực hiện thống nhất trong toàn quốc. Thực tế đã xảy ra một số trường hợp NNT gặp khó khăn bất khả kháng như:

- Do đối tác trong nước hoặc nước ngoài phá sản nên không thanh toán được tiền hàng cho NNT, đối tác phá bỏ hợp đồng; Doanh nghiệp bị cơ quan công an phong tỏa tài khoản để phục vụ điều tra nên không thể nộp thuế đúng hạn; Doanh nghiệp vay vốn của Ngân hàng nhưng ngân hàng bị sáp nhập theo quy định của ngân hàng nhà nước nên không giải ngân vốn cho doanh nghiệp, ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, NHNN đưa vào diện kiểm soát đặc biệt tài khoản của DN bị phong tỏa nên không trích được tiền từ tài khoản để nộp thuế; Doanh nghiệp xảy ra bạo loạn, đình công; Doanh nghiệp bị điều chỉnh giấy phép đầu tư ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh; Do Nhà nước thay đổi chính sách, quy hoạch, kế hoạch, điều chỉnh giấy phép đầu tư; Cơ quan nhà nước chậm trả lời doanh nghiệp, chậm ban hành quyết định truy thu... dẫn đến doanh nghiệp gặp khó khăn, kết quả sản xuất kinh doanh lỗ 02 năm liên tục (cơ quan kiểm toán đã xác nhận), không có nguồn tài chính để nộp kịp thời tiền thuế nợ vào NSNN và phát sinh tiền chậm nộp.

Trong những trường hợp nêu trên, mặc dù nhiều người nộp thuế đã tuân thủ pháp luật, nỗ lực nộp thuế, cơ quan thuế đã thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý thu nợ thuế theo quy định nhưng do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan ngoài ý muốn, họ vẫn còn nợ tiền chậm nộp. Số nợ tiền chậm nộp này hạch toán vào thu nhập sau thuế TNDN khiến doanh nghiệp chịu lỗ kéo dài, ăn vào vốn dẫn đến giải thể, phá sản. Việc xóa nợ tiền chậm nộp đối với những trường hợp này là

cần thiết, nhằm hỗ trợ tháo gỡ cho doanh nghiệp đã có cố gắng hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong điều kiện khó khăn (nộp đủ số thuế nợ trước ngày 31/12/2017).

Do đó, Bộ Tài chính đề nghị xóa nợ tiền chậm nộp thuế của các khoản nợ thuế phát sinh trước ngày 01/01/2018 của người nộp thuế gặp thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc trường hợp khó khăn bất khả kháng. Mức xóa tiền chậm nộp thuế, không vượt quá giá trị thiệt hại.

Các trường hợp khó khăn bất khả kháng bao gồm: cơ quan quản lý nhà nước chậm trả lời, chậm thông báo, thay đổi quy hoạch/kế hoạch làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của người nộp thuế; ngân sách nhà nước chậm thanh toán; doanh nghiệp nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu chưa thực hiện giảm vốn nhà nước khi xác định giá trị doanh nghiệp; đối tác trong nước hoặc người ngoài phá sản; những trường hợp theo quy định của pháp luật về dân sự.

Tổng số nợ tiền chậm nộp do những nguyên nhân khách quan trình bày ở trên tính đến thời điểm 31/12/2017 ước khoảng 1.700 tỷ đồng.

3. Xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với những trường hợp không còn khả năng thu:

Đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với những trường hợp không còn khả năng thu do người nộp thuế thực tế đã giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh, thực tế không còn hoạt động sản xuất kinh doanh trước ngày 01/01/2017 mà không còn khả năng nộp ngân sách và đã được cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

a) Đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh

Trong những năm gần đây, cả nước có trên 639.104 doanh nghiệp. Hàng năm có khoảng 10% doanh nghiệp giải thể, phá sản nhưng không thực hiện đầy đủ quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về phá sản[6].

Qua tổng kết thi hành Luật Phá sản (năm 2004) thì có 49/63 Tòa án nhận đơn và giải quyết tổng số 336 đơn yêu cầu tuyên bố phá sản. Trong tổng số 336 đơn này, Tòa án đã ra 236 Quyết định mở thủ tục phá sản và trong đó ra 83 Quyết định tuyên bố phá sản[7].

Như vậy, thực tế phát sinh rất nhiều doanh nghiệp lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, đã giải thể, phá sản hoặc chấm dứt kinh doanh nhưng không làm đầy đủ trình tự, thủ tục giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với doanh nghiệp, tổ chức thực tế đã giải thể (trừ trường hợp giải thể để chia tách, sáp nhập, chuyển đổi),

---

[6] Theo Tổng cục Thống kê, trong năm 2013 số doanh nghiệp gặp khó khăn phải giải thể hoặc ngừng hoạt động là 60.737 doanh nghiệp, tăng 11,9% so với năm 2012, trong đó số doanh nghiệp đã giải thể là 9.818 doanh nghiệp, tăng 4,9%; số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động là 10.803 doanh nghiệp, tăng 35,7%; số doanh nghiệp ngừng hoạt động nhưng không đăng ký là 40.116 doanh nghiệp, tăng 8,6%. Trong năm 2014, tổng số có 67.823 doanh nghiệp gặp khó khăn buộc phải giải thể, hoặc đăng ký tạm ngừng hoạt động có thời hạn, hoặc ngừng hoạt động chờ đóng mã số doanh nghiệp hoặc không đăng ký. Trong năm 2015, số doanh nghiệp gặp khó khăn buộc phải tạm ngừng hoạt động là 71.391 doanh nghiệp, tăng 22,4% so với năm 2014, bao gồm 15.649 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động có thời hạn và 55.742 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ đóng mã số doanh nghiệp hoặc không đăng ký. Năm 2017, số doanh nghiệp gặp khó khăn buộc phải tạm ngừng hoạt động và chấm dứt hoạt động động tuy đã giảm so với năm 2016 nhưng vẫn còn lớn (cả nước có 67.626 DN đóng cửa ngừng hoạt động SXKD; 21.978 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh).

[7] Nguồn: Báo cáo tổng kết thi hành Luật Phá sản 2004.

phá sản hoặc chấm dứt kinh doanh trước ngày 01/01/2017.

Đối với doanh nghiệp còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nêu trên, Cơ quan quản lý thuế phối hợp với Sở kế hoạch đầu tư, Sở Tài chính và các Sở chuyên ngành tổ chức kiểm tra tình hình thực tế không còn khả năng nộp ngân sách của doanh nghiệp (tài khoản ngân hàng; tài sản; công nợ; thực tế không còn hoạt động sản xuất kinh doanh...) và lập hồ sơ xoá nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt.

Về thẩm quyền xử lý: Thủ tướng Chính phủ quyết định xoá nợ đối với trường hợp người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ 10 tỷ đồng trở lên; Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xoá nợ đối với trường hợp người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ 5 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng; Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định xoá nợ đối với trường hợp người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt dưới 5 tỷ đồng.

Để bảo đảm chặt chẽ, trong việc xóa nợ, trường hợp người sáng lập doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của tổ chức tiếp tục đăng ký thành lập tổ chức kinh doanh khác, Bộ Tài chính đề nghị quy định chế tài trong hai năm tiếp theo kể từ ngày thực hiện xóa nợ, chủ sở hữu doanh nghiệp, người sáng lập doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật không được thành lập doanh nghiệp mới/không được kinh doanh, trừ trường hợp người nộp thuế thực hiện nộp đủ số tiền thuế theo quyết định xóa nợ vào ngân sách nhà nước.

b) Đối với hộ, cá nhân bỏ kinh doanh

Cả nước có khoảng 1,7 triệu hộ, cá nhân kinh doanh. Đối với hộ có đăng ký kinh doanh, việc đăng ký kinh doanh do Phòng Tài chính Kinh doanh cấp quận, huyện quản lý; đối với nhiều hộ, cá nhân kinh doanh không có đăng ký kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường quản lý những hộ này. Hộ, cá nhân kinh doanh bỏ kinh doanh đều do thua lỗ. Nếu đặt vấn đề phải áp dụng các biện pháp để thu hồi hết nợ của hộ, cá nhân kinh doanh đã bỏ kinh doanh là không khả thi vì họ chỉ còn tài sản đủ để đáp ứng nhu cầu cơ bản trong sinh hoạt thông thường.

Bộ Tài chính đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của hộ, cá nhân kinh doanh đã ngừng kinh doanh trước ngày 01/01/2017. Việc tổ chức thực hiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định xóa nợ trên cơ sở đề nghị của cơ quan quản lý thuế sau khi phối hợp với cơ quan quản lý đăng ký kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường và Hội đồng tư vấn thuế xã, phường nơi có địa chỉ đăng ký kinh doanh xác minh hộ, cá nhân kinh doanh đã chấm dứt hoạt động kinh doanh ở địa chỉ kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh đã thực hiện thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế đã thực hiện cưỡng chế nợ thuế theo quy định của Luật quản lý thuế.

Số nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đề nghị xóa do người nộp thuế thực tế đã giải thể, phá sản, bỏ kinh doanh trước ngày 01/01/2017 là **24.302** tỷ đồng, trong đó của người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức khoảng **22.299** tỷ đồng và của hộ, cá nhân đã bỏ kinh doanh là **2.003** tỷ đồng.

Như vậy, với các đề xuất xử lý xóa nợ nêu trên thì tổng hợp lại tổng số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đề nghị xóa ước khoảng **26.500** tỷ đồng.

IV. HÌNH THỨC VÀ BỐ CỤC CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Về hình thức và bố cục của dự thảo: dự thảo được thiết kế gồm 3 Điều:

Điều 1: Quy định khoanh nợ, không tính tiền chậm nộp thuế đối với người nộp thuế nợ tiền thuế đã chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh. *(như nội dung tại điểm 1 mục II nêu trên)*.

Điều 2: quy định về xóa nợ, tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt không có khả năng thu hồi *(như nội dung tại điểm 2, điểm 3 mục II nêu trên)*.

Điều 3: Điều khoản thi hành.

2. Về hiệu lực thi hành

Về hiệu lực, do phạm vi, đối tượng và nội dung xử lý đều là những trường hợp tồn tại không thể thu nợ do nguyên nhân khách quan đã phát sinh trước khi ban hành Nghị quyết, không ảnh hưởng đến lợi ích Nhà nước nên Bộ Tài chính đề nghị hiệu lực thi hành là từ ngày Nghị quyết được ban hành để góp phần động viên, nâng cao tinh thần cho người nộp thuế, tháo gỡ khó khăn đồng thời khuyến khích nộp đủ thuế.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Từ những giải pháp đề xuất trên, Bộ Tài chính trình Chính phủ giao trách nhiệm cho Bộ trưởng Bộ Tài chính: Thừa uỷ quyền Thủ tướng Chính phủ báo cáo Quốc hội tại kỳ họp tháng 5 năm 2018 để xem xét thông qua Nghị quyết của Quốc hội về các giải pháp nêu trên.

Bộ Tài chính đề nghị trình Quốc hội giao Chính phủ tổ chức thực hiện xóa nợ và báo cáo Quốc hội sau 02 (hai) năm ban hành Nghị quyết.

Trên đây là những nội dung chủ yếu của Dự án Nghị quyết của Quốc hội về xử lý xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCT ((VT, QLN (4b)).

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2018/NQ-QH14	*Hà Nội, ngày tháng năm 2018*

(Dự thảo)

NGHỊ QUYẾT
VỀ XỬ LÝ XÓA NỢ, KHOANH NỢ TIỀN THUẾ, TIỀN CHẬM NỘP, TIỀN PHẠT KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG THU HỒI

QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014;

Sau khi xem xét Tờ trình số /TTr-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số /BC-UBTCNS14 ngày tháng năm 2018 của Ủy ban Tài chính - Ngân sách; ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội và Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý số /BC-UBTVQH14 ngày tháng năm 2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự thảo Nghị quyết về một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh sự phát triển của doanh nghiệp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Khoanh nợ tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp

1. Khoanh nợ (tạm thời chưa thu và không tính tiền chậm nộp thuế) từ ngày 01/01/2018 đối với người nộp thuế nợ tiền thuế đã ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh quá 01 năm, cơ quan đăng ký kinh doanh đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề. Thời gian không tính tiền chậm nộp tính từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề. Cơ quan quản lý thuế thực hiện tính tiền chậm nộp và thu vào ngân sách đối với khoản tiền chậm nộp trên khi người nộp thuế quay lại hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Khoanh nợ là việc Nhà nước tạm thời chưa thu một phần hoặc toàn bộ nợ thuế (gồm tiền nợ thuế và tiền chậm nộp, tiền phạt) của người nộp thuế trong thời gian nhất định và không tính tiền chậm nộp phát sinh đối với số nợ thuế chưa thu trong thời gian được khoanh nợ.

Điều 2. Xóa nợ tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp

1. Xóa nợ tiền chậm nộp thuế đối với doanh nghiệp cung ứng hàng hoá,

dịch vụ được thanh toán bằng vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn chi từ ngân sách nhà nước nhưng chưa được thanh toán.

2. Xóa nợ tiền phạt chậm nộp thuế, tiền chậm nộp thuế của các khoản nợ thuế phát sinh trước ngày 01/01/2018 của người nộp thuế gặp thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc trường hợp khó khăn bất khả kháng. Mức xóa tiền chậm nộp thuế, không vượt quá giá trị thiệt hại.

Các trường hợp khó khăn bất khả kháng bao gồm: cơ quan quản lý nhà nước chậm trả lời, chậm thông báo, thay đổi quy hoạch/kế hoạch làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của người nộp thuế; ngân sách nhà nước chậm thanh toán; doanh nghiệp nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu chưa thực hiện giảm vốn nhà nước khi xác định giá trị doanh nghiệp; đối tác trong nước hoặc người ngoài phá sản; những trường hợp theo quy định của pháp luật về dân sự.

3. Xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với những trường hợp không còn khả năng thu do người nộp thuế thực tế đã giải thể (trừ trường hợp giải thể để chia tách, sáp nhập, chuyển đổi), phá sản hoặc chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh, thực tế không còn hoạt động sản xuất kinh doanh trước ngày 01/01/2017 mà không còn khả năng nộp ngân sách và đã được cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Đối với doanh nghiệp còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nêu trên, Cơ quan quản lý thuế phối hợp với Sở kế hoạch đầu tư, Sở Tài chính và các Sở chuyên ngành tổ chức kiểm tra tình hình thực tế không còn khả năng nộp ngân sách của doanh nghiệp (tài khoản ngân hàng; tài sản; công nợ; thực tế không còn hoạt động sản xuất kinh doanh...) và lập hồ sơ xoá nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt.

Về thẩm quyền xử lý: Thủ tướng Chính phủ quyết định xoá nợ đối với trường hợp người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ 10 tỷ đồng trở lên; Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xoá nợ đối với trường hợp người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ 5 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng; Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định xoá nợ đối với trường hợp người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt dưới 5 tỷ đồng.

Đối với hộ, cá nhân kinh doanh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định xóa nợ trên cơ sở đề nghị của cơ quan quản lý thuế sau khi phối hợp với cơ quan quản lý đăng ký kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường và Hội đồng tư vấn thuế xã, phường nơi có địa chỉ đăng ký kinh doanh xác minh hộ, cá nhân kinh doanh đã chấm dứt hoạt động kinh doanh ở địa chỉ kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh đã thực hiện thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế đã thực hiện cưỡng chế nợ thuế theo quy định của Luật quản lý thuế.

4. Thẩm quyền xóa nợ tiền chậm nộp thuế quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này thực hiện theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày từ ngày thông qua.

2. Giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết này, tổ chức thực hiện xóa nợ, khoanh nợ và báo cáo Quốc hội kết quả xử lý nợ.

Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày tháng năm 2018.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Thị Kim Ngân